

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; ☐ Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Nhi khoa

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHẠM THU HIỀN

2. Ngày tháng năm sinh: 24/10/1967; Nam ☐ Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Thái Hà, Thái Thụy, Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 04, ngách 93/4, ngõ 93, Hoàng Quốc Việt, Tổ 30, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 04, ngách 93/4, ngõ 93, Hoàng Quốc Việt, Tổ 30, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại di động: 0912504089; E-mail: hienkhth@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 1991 đến 3/1997: Bác sỹ điều trị, sau này là phó Trưởng khoa Truyền nhiễm Bệnh viện Tỉnh Tuyên Quang.
- Từ 3/1997 đến 5/2000: Học cao học Nhi tại trường Đại học Y Hà nội.
- Từ 5/2000 đến 4/2005: Bác sỹ điều trị tại khoa Hồi sức Cấp cứu, Trưởng khoa Nhi kiêm Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp Bệnh viện Tỉnh Tuyên Quang.
- Từ 5/2005 – 12/2009: Bác sỹ điều trị khoa Hô Hấp, Bệnh viện Nhi Trung ương.
- Từ 1/2010 đến 4/2014: Phó trưởng khoa Điều trị tự nguyện A, Bệnh viện Nhi Trung ương. Trong thời gian này theo học nghiên cứu sinh và được cấp bằng tiến sỹ Y học chuyên ngành Dịch tễ học tại Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương.
- Từ 5/2014 đến 3/2020: Bác sỹ điều trị tại khoa Điều trị tự nguyện A, S. Phụ trách đơn nguyên S1 S2 Khoa Quốc Tế, Bệnh viện Nhi Trung Ương. Trong thời gian này đã kinh qua các vị trí: Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Bệnh viện.
- Từ 04/2020 đến nay: Trưởng phòng Tổ chức cán bộ kiêm Phó Giám đốc Trung tâm Quốc tế, Bệnh viện Nhi Trung Ương.
- Chức vụ: Hiện nay: Phó Giám đốc Trung tâm Quốc tế trực thuộc Bệnh viện Nhi Trung ương, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Bệnh viện Nhi Trung ương;
- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Giám đốc Trung tâm, Trưởng phòng.
- Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Nhi Trung ương
- Địa chỉ cơ quan: số 18/879 đường La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại cơ quan: (024) 62738535

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- + Đại học Vinh,
- + Đại học Y Dược Hải Phòng,
- + Khoa Y- Trường Đại Học Quốc gia Hà Nội,
- + Đại học Thăng Long,
- + Đại học Y tế Hải Dương,
- + Học viện Y học cổ truyền Trung Ương.
- + Viện Sốt rét - Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- + Đại học Y Dược Hải Phòng,
- + Khoa Y- Trường Đại Học Quốc gia Hà Nội,
- + Đại học Thăng Long,
- + Đại học Y tế Hải Dương,
- + Học viện Y học Cổ truyền Trung Ương,
- + Viện Sốt rét -Ký sinh trùng- Côn trùng Trung ương

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 9 năm 1990, ngành: Y, chuyên ngành: Nhi khoa

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Y khoa Bắc Thái, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 06 tháng 02 năm 2001, ngành: Y, chuyên ngành: Nhi khoa

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Y Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 31 tháng 10 năm 2014, ngành: Y, chuyên ngành: Dịch tễ học

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Y Dược Hải Phòng.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu dịch tễ học, lâm sàng và áp dụng các phương pháp chẩn đoán, điều trị mới các bệnh hô hấp nói riêng và các bệnh lý nhi khoa nói chung.
- Các bệnh lý nhi khoa hay gặp có tỷ lệ mắc và tử vong cao tại bệnh viện và cộng đồng, tiến tới có thái độ điều trị và dự phòng đúng đắn nhằm giảm tỷ lệ mắc, tử vong của trẻ.
- Quản lý nhân lực: các biện pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Bệnh viện.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 13 HVCH trong đó 11 học viên đã bảo vệ thành công luận văn ThS;

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Đang hướng dẫn (số lượng): 02 Nghiên cứu sinh và 02 Thạc sĩ (chưa bảo vệ);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

+ Tham gia 01 đề tài NCKH cấp Nafosted; 01 đề tài nhánh cấp nhà nước; Thư ký 01 đề tài cấp tỉnh.

+ Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Thành phố Hà Nội và 05 đề tài cấp cơ sở.

- Đã công bố (số lượng) 91 bài báo KH, trong đó có 09 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín; có 06 bài báo là tác giả thứ nhất.

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 06, trong đó 06 cuốn thuộc nhà xuất bản có uy tín; Chủ biên 03 cuốn (01 cuốn sách chuyên khảo, 02 cuốn tham khảo), 02 cuốn sách giáo trình.

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm	Hình thức khen thưởng	Số quyết định
2001	Bằng khen cấp Tỉnh Tuyên Quang	Số 223/UBNDT/QĐ-UBNDT ngày 29/3/2002
2003	Bằng khen cấp Tỉnh Tuyên Quang	Số 216/UBNDT/QĐ-UBNDT ngày 23/2/2004
2010	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Số 103/QĐ-TCCB ngày 15/02/2011
2011	Bằng khen cấp Công đoàn Y tế Việt Nam	Số 56/QĐ-CDYT ngày 16/2/2012
2011	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Số 48/QĐ-TCCB ngày 16/01/2012
2012	Bằng khen cấp Bộ Y Tế	Số 1288/QĐ-BYT ngày 17/4/2013
2012	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Số 149/QĐ-TCCB ngày 30/01/2013
2012	Bằng khen cấp Công đoàn Y tế Việt Nam	Số 137/QĐ-CDYT ngày 11/04/2013
2013	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Số 155/QĐ-TCCB ngày 18/02/2014
2014	Bằng khen Bộ Y tế	Số 2105/QĐ-BYT ngày 01/6/2015
2014	Bằng khen cấp Công đoàn Y tế Việt Nam	Số 105/QĐ-CDYT ngày 22/01/2015
2014	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Số 248/QĐ-BVNTU' ngày 12/02/2015

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Năm	Hình thức khen thưởng	Số quyết định
2015	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Số 2248/QĐ-BYT ngày 31/5/2016
2015	Bằng khen cấp Công đoàn Y tế Việt Nam giai đoạn 2010-2015	Số 164/QĐ-CĐYT ngày 22/01/2015
2015	Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn	Số 749/QĐ-TLĐ ngày 06/10/2015
2015	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Số 185/QĐ-BVNTW ngày 04/02/2016
2015	Giấy khen UBND Quận Đống Đa về thành tích “ Lao động sáng tạo”	Số 5547/QĐ-UBND ngày 05/12/2016
2016	Bằng khen Bộ Y Tế	Số 3264/QĐ-BYT ngày 14/7/2017
2016	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Số 408/QĐ-BVNTW ngày 14/02/2017
2017	Thầy thuốc ưu tú	Số 367/QĐ-CTN ngày 24/02/2017
2017	Bằng khen của Thủ tướng chính phủ	Số 1446/QĐ_TTg ngày 25/09/2017
2017	Bằng khen Bộ Y Tế	Số 1446/QĐ-TTg ngày 25/9/2017
2017	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Số 418/QĐ-BVNTW ngày 22/02/2018
2018	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Số 2469/QĐ-BYT ngày 14/6/2019
2018	Bằng khen Bộ Y Tế	Số 1741/QĐ-BYT ngày 10/5/2019
2018	Kỷ niệm chương Vì sức khỏe nhân dân	Số 4618/QĐ-BYT ngày 24/7/2018
2018	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Số 872/QĐ-BVNTW ngày 12/02/2019
2019	Bằng khen Bộ Y Tế về thành tích trong quá trình xây dựng và phát triển Bệnh viện	Số 2860/QĐ-BYT ngày 08/7/2019
2019	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	Số 1265/QĐ-BVNTW ngày 20/3/2020

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trung thành với Tổ quốc Việt nam Xã hội Chủ nghĩa, tha thiết yêu nghề, hết lòng thương yêu, giúp đỡ sinh viên, học viên, người bệnh và đồng nghiệp.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Là bác sỹ tận tâm, có tinh thần trách nhiệm cao, hết lòng vì người bệnh, đồng thời là cán bộ quản lý hết lòng vì công việc của Bệnh viện Nhi Trung ương.

- Phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn, giản dị.

- Quan hệ đồng nghiệp tốt, luôn giúp đỡ và đào tạo cho các bác sỹ trẻ và các học viên sau đại học đến học tập tại Bệnh viện.

- Giảng dạy có chất lượng, nhiệt tình, kết hợp tốt giữa giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ người bệnh.

- Hoàn thành suất sắc nhiệm vụ được giao, có đóng góp cho sự phát triển của khoa phòng, Bệnh viện.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên^(*):

- Tổng số: 06 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014- 2015	0	0	0		180		180/140
2	2015- 2016	0	0	0		144		144/135
3	2016-2017	0	0	3		153	37,5	190,5/135
03 năm học cuối (2017-2020)								
4	2017-2018	0	1	6	0	152	198	350/135
5	2018 - 2019	0	2	2	0	168	145,5	313,5/135
6	2019 - 2020	0	2	2	0	169	58	227/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN BGDDT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDDT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDDT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại ☐ nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác; ☐ Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ C - Anh văn do trường Đại học Y Hà nội cấp;

- Chứng chỉ tiếng anh bậc 4 (tương đương cấp độ B2 khung tham chiếu châu Âu) do Trường Đại học Hà nội cấp năm 2013, 2019.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
I-Đã hướng dẫn và bảo vệ thành công								
1	Vũ Thị Tú Uyên		✓	✓		2016-2017	ĐH Y tế công cộng	2017

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
2	Trần Văn Thor		✓	✓		2016-2017	ĐH Y tế công cộng	2017
3	Đào Ngọc Phúc		✓	✓		2016-2017	ĐH Y tế công cộng	2017
4	Đặng Thị Cẩm Băng		✓	✓		2017-2018	ĐH Y Hai Phòng	2018
5	Nguyễn Phan Lương		✓	✓		2017-2018	ĐH Y Hai Phòng	2018
6	Đào Minh Trí		✓	✓		2017-2018	ĐH Y Hai Phòng	2018
7	Bùi Thị Thúy Nhung		✓		✓	2017-2018	ĐH Y Hai Phòng	2018
8	Trần Thị Thủy		✓		✓	2017-2018	ĐH Y Hai Phòng	2018
9	Hoàng Thị Thu Hằng		✓		✓	2017-2018	ĐH Y Hà nội	2018
10	Nguyễn Thị Huyền		✓	✓		2018-2019	ĐH Y Hải Phòng	2019
11	Trần Thùy Linh		✓	✓		2018-2019	ĐH Y Hải Phòng	2019
II. Đang hướng dẫn								
12	Hoàng Thị Anh		✓	✓		2019-2020	ĐH Y Hà nội	Chưa bảo vệ
13	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		✓	✓		2019-2020	ĐH Thăng Long	Chưa bảo vệ
14	Trần Quang Hanh	✓			✓	2017-2020	Viện SRKSTCT	Đã bảo vệ cơ sở

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
15	Trịnh Hồng Sơn	✓			✓	2019-2021	Viện SRKSTCT	Chưa bảo vệ

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
----	----------	----------------------------	------------------------------	------------	----------	---	--

Sau khi cấp bằng Tiến sĩ 2014

1	Cấp cứu nhi khoa nâng cao – Dành cho Đào tạo Sau Đại học	TK	Nhà xuất bản Y học Giấy phép QĐ số 176/QĐ – XBYH ngày 10/5/2017	21	Tham gia	55-78	Đại học Y Dược Hải Phòng
2	Những hiểu biết mới về Mycoplasma pneumonia gây viêm phổi mắc phải cộng đồng ở trẻ em	TK	Nhà xuất bản Y học Giấy phép QĐ số 88/QĐ – XBYH ngày 29/03/2017	1	Chủ biên	01-139	Đại học Y Dược Hải Phòng
3	Viêm phổi không điển hình do vi khuẩn	CK	Nhà xuất bản Y học Giấy phép QĐ số 322/QĐ – XBYH ngày 04/12/2020	1	Chủ biên	01-167	Đại học Y Dược Hải Phòng
4	Cập nhật về Legionella pneumophila và viêm phổi mắc phải cộng đồng	TK	Nhà xuất bản Y học Giấy phép QĐ số 143/QĐ – XBYH ngày 24/06/2019	2	Đồng chủ biên	01-83	Đại học Y Dược Hải Phòng

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
5	Công tác xã hội trong bệnh viện	GT	Nhà xuất bản Y học Giấy phép QĐ số 300/QĐ – XBYH ngày 18/11/2019	09	Tham gia	165-186	Đại học Thăng Long
6	Giáo trình Nhi khoa Sau Đại học	GT	Nhà xuất bản Y học Giấy phép QĐ số 162/QĐ – XBYH ngày 10/06/2020	28	Tham gia	159 - 194	Đại học Y Dược Hải Phòng

Trong đó, có 01 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản sau khi được cấp bằng TS (Đối với ứng viên chức danh PGS). 02 cuốn sách giáo trình dành cho đối tượng sau đại học.

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Ch kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang.... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I. Đề tài đã nghiệm thu sau bảo vệ luận án tiến sĩ					
1	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng phương pháp chẩn đoán dựa trên sinh học phân tử (PCR đa môi) 3 loại vi khuẩn gây nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính ở trẻ em: Mycoplasma pneumoniae, Chlamydia pneumoniae, Legionella pneumophila và xác định đặc điểm dịch tễ học lâm sàng của bệnh	Tham gia	Mã số: 106.03-2010.36 Cấp Bộ	2010- 2016	2014
2	Xây dựng quy trình chẩn đoán bệnh suy giảm miễn dịch bẩm sinh ở trẻ em thể không gamaglobulin liên kết nhiễm sắc thể giới tính X và suy giảm miễn dịch thể phối hợp trầm trọng dựa vào lâm sàng và các xét nghiệm cơ bản	Tham gia đề tài nhánh	Mã số: ĐTĐLCN.47/15 Cấp Quốc gia	2015-2018	2019/ Đạt
3	Nghiên cứu thực trạng, xây dựng phác đồ điều trị, Nội dung truyền thông phòng chống bệnh chàm và dị ứng thức ăn ở trẻ 24 -60 tháng tuổi tại thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	Thư ký	Cấp tỉnh	2016 - 2017	2018/ Đạt
4	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật real-time PCR đa môi trong phát hiện các căn nguyên gây tiêu chảy cấp ở trẻ em Hà Nội	Chủ nhiệm	Mã số: 01C-08/02-2013-3 Cấp Thành phố	2016 - 2018	2019/ Khá
5	Thực trạng bạo lực nơi làm việc đối với điều dưỡng viên và một số yếu tố ảnh hưởng tại bệnh viện Nhi Trung ương năm 2017	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2017	2018/ Giỏi

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
6	Sự hài lòng của người chăm sóc trẻ và một số yếu tố liên quan tại Bệnh Viện Nhi Trung Ương năm 2017	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2017	2018/ Giỏi
7	Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến stress nghề nghiệp ở điều dưỡng viên lâm sàng tại bệnh viện Nhi Trung ương năm 2017	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2017	2018/ Giỏi
8	Thực trạng và các yếu tố liên quan đến bệnh nhân tiêu chảy do Noro virus ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung Ương năm 2017 - 2018	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2017-2018	2018/ Giỏi
9	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng và một số yếu tố liên quan tới viêm phổi trẻ dưới 6 tháng có nhiễm Chlamydia trachomatis	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2019 - 2020	Xuất sắc

II. Đề tài chưa nghiệm thu

10	Nghiên cứu phát triển hệ thống hỗ trợ thực hành tiền lâm sàng Nhi khoa dựa trên công nghệ thực tế ảo.	Thành viên	Mã số: KC-4.0-02/ 19-25 Cấp nhà nước	2019-2021	Chưa nghiệm thu
11	Một số yếu tố liên quan viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ em	Tham gia	Cấp cơ sở	2018 - 2019	Chưa nghiệm thu

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước bảo vệ luận văn tiến sỹ (trước tháng 10/2014)								
1	Effect of double dose oseltamivir on clinical and virological outcomes in children and adults admitted to hospital with severe <i>Influenza</i> : double blind randomised controlled trial			BMJ/ ISSN: 1468-5833	ISI; IF: 1,7	90		2013
2	Đánh giá giá trị siêu âm trong chẩn đoán và tiên lượng bệnh lồng ruột ở trẻ bú mẹ	04	x	Tạp chí Nhi khoa/ ISSN 0868-3182			Kỷ yếu Công trình nghiên cứu khoa học năm 2000; Trang 559 - 564	2000
3	Các yếu tố tiên lượng góp phần vào chỉ định tháo lồng ở trẻ em ≤ 24 tháng	03	x	Tạp chí Ngoại khoa/ ISSN 0868-3182			Số 2/2001; Trang 23 - 28	2001
4	Đôi chiếu lâm sàng và tổn thương phẫu thuật ở 225 bệnh nhân < 25 tháng tuổi bị lồng ruột	03	x	Tạp chí Ngoại khoa/ ISSN 0868-3182			Số 3/2001; Trang 35 - 40	2001
5	Đánh giá hiệu quả dự phòng nhiễm khuẩn hô hấp cấp tái phát ở trẻ em của Bronchovaxome	02	x	Tạp chí Y – Dược học quân sự/ ISSN 1859 - 0748			Tập 34; Số 5; Trang 111- 115	2009
6	Nghiên cứu nguyên nhân, lâm sàng, đặc điểm dịch tễ học viêm phổi nặng ở trẻ em dưới 5 tuổi tại khoa Hô hấp Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2008	01	x	Tạp chí y học thực hành/ ISSN 1859- 1663			Tập 666; Số 6; Trang: 99- 100	2009
7	Nhân một trường hợp u máu trong gan ở trẻ sơ sinh biến chứng suy tim nặng được phẫu thuật thành công	02	x	Tạp chí Nhi khoa/ ISSN 1859- 3860			Tập 3; Số 3&4; Trang 375-377	2010

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
8	Vai trò của <i>Mycoplasma pneumoniae</i> , <i>Chlamydia pneumoniae</i> và <i>Legionella pneumophyla</i> trong viêm phổi mắc phải cộng đồng ở trẻ em: kết quả ban đầu	04	x	Tạp chí Y học dự phòng/ ISSN 0868-2836			Tập XXI; Số 7 (125); Trang 62-69	2011
9	Nguyên nhân, đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của viêm phổi không điển hình ở trẻ em: Kết quả bước đầu	04	x	Tạp chí nghiên cứu Y học/ ISSN 0868-202X			Tập 80; Số N°3A; Trang 119- 124	2012
10	Tần suất và đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm phổi do <i>Mycoplasma pneumoniae</i> , <i>Chlamydia pneumoniae</i> ở trẻ em	04	x	Tạp chí Y học dự phòng/ ISSN 0868-2836			Tập XXII; Số 6 (133); Trang: 31-38	2012
11	Viêm phổi không điển hình đồng nhiễm: Tần suất và tiên lượng	05	x	Tạp chí Y học Việt nam/ ISSN 1859- 1868			Tập 411; Số 2; Trang 3-7	2013
Sau Bảo vệ luận văn Tiến sĩ (sau tháng 10/2014)								
1	First report on prevalence and risk factors of severe atypical pneumonia in Vietnamese children aged 1–15 years	6	x	BMC Public Health	ISI, Pubmed IF: 2,5	42	Tập 14, Số 1304; Trang 01-10	2014
2	Workplace violence against healthcare nurses in the Vietnam National Children's Hospital: a cross sectional study	04	x	Journal of Healthcare and Hygiene			Tập 3; Số.1:2; Trang 01-04	2019
3	Viral and Bacterial Coinfection in A 17-Month-Old Girl: A Case Report	04	x	Journal of Medical Association of Thailand/ ISSN 2408-1981	ISI; IF <1		Tập 103; Số.3: 03/2020; Trang 295-299	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
4	Clinical and Pathogenic Characteristics of Lower Respiratory Tract Infection Treated at the Vietnam National Children's Hospital	04	x	Canadian Journal of Infectious Diseases and Medical Microbiology/ ISSN: 1712-9532 (print) 1918-1493 (web)	ISI; IF 1.37	01	Tập năm 2020; ID bài báo 7931950; Trang 01-06	2020
5	Prevalence and capsular type distribution of group B Streptococcus isolated from vagina of pregnant women in Nghe An province, Vietnam	08	x	Iranian journal of Microbiology; pISSN: 2008-3289 eISSN: 2008-4447	ISI; IF 1.15		Tập 12; Số 1 (Tháng 2/2020); Trang 11-17	2020
6	Diagnostic Value of Different Biomarkers to Identify Bacterial Coninfection in Vietnamese Children with Severe Rhinovirus Pneumonia	03	x	Journal of Child Science/ ISSN: 2474-5871	ISI; IF<1		Tập 10; Số 1/2020; Trang 25-31	2020
7	Biomakers to Identify Bacterial Coinfection in Children with Adenovirus-related Pneumonia	03	x	International Medical Journal; ISSN: 1341-2051	Scopus; IF<1		Tập 25; Số 03, tháng 3/2020; Trang 1317-1322	2020
8	Factor associated with pulmonary artery hypertension among premature infants with bronchopulmonary dysplasia in Vietnam	03	x	Progress in Pediatric Cardiology/ ISSN: 1058-9813	ISI; IF <1		Tập 57; Trang 1-5	2020
9	Case report: Angiostrongylus cantonensis Meningoencephalitis in a 9-Month-Old Baby in Vietnam	04	x	The American Journal of Tropical Medicine and Hygiene/ ISSN: 0002-9637; eISSN: 1476-1645	ISI; IF: 2.3		Trang 1-4	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
10	nCD64, mHLA-DR: Sensitive diagnostic markers of infection in term infants receiving antibiotic treatment	06	x	Genetics and Molecular Research/ ISSN: 1676-5680	ISI; IF <1		Trang 01-11	2020
11	Căn nguyên gây viêm phổi ở trẻ em trên một tuổi điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương	06	x	Tạp chí Y học dự phòng/ ISSN 0868-2836			Tập XXIV; Số 8(157); Trang 65-70	2014
12	Một số đặc điểm trẻ bại não hạn chế vận động đứng tại Bệnh viện Nhi trung ương, năm 2014	03	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ ISSN 1859 - 2872			Tập 11; Số đặc biệt 9/2016; Trang 74-77	2016
13	Một số đặc điểm trẻ khuyết tật dưới 6 tuổi tại huyện Hoài Đức, Hà Nội	03	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ ISSN 1859 - 2872			Tập 11; Số đặc biệt 9/2016; Trang 78-80	2016
14	Dịch tễ học trẻ khuyết tật vận động dưới 6 tuổi tại huyện Hoài Đức, Hà Nội	03	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ ISSN 1859 - 2872			Tập 11; Số đặc biệt 9/2016; Trang 109-111	2016
15	Điểm GMFM ở trẻ hạn chế vận động đứng tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2014	03	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ ISSN 1859 - 2872			Tập 11; Số đặc biệt tháng 9; Trang 112-116	2016
16	Sự khác biệt về một số dấu hiệu hạn chế vận động đứng giữa trẻ bại não và trẻ chậm phát triển tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2014	03	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ ISSN 1859 - 2872			Tập 11; Số đặc biệt 9/2016; Trang 124-128	2016
17	Viêm phổi không điển hình đồng nhiễm, các yếu tố liên quan	03	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ ISSN 1859- 1868			Tập 447; Số chuyên đề tháng 10; Trang 18-27	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
18	Viêm phổi không điển hình do vi khuẩn ở trẻ em các yếu tố tiên lượng	03	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ ISSN 1859- 1868			Tập 447; Số chuyên đề 10/2016; Trang 41-51	2016
19	Thực trạng và một số yếu tố nhân khẩu, xã hội học liên quan đến trầm cảm ở các bà mẹ có con khuyết tật dưới 6 tuổi tại huyện Hoài Đức, Hà Nội	08	x	Tạp chí Y học lâm sàng Bệnh viện Trung ương Huế/ ISSN 1859- 3895			Số 38-2016; Trang 57-62	2016
20	Quan sát kỹ năng giao tiếp của điều dưỡng viên và nhân viên chăm sóc khách hàng tại khoa Khám bệnh – Bệnh viện Nhi Trung ương	05	x	Tạp chí Y học lâm sàng Bệnh viện Trung ương Huế/ ISSN 1859- 3895			Số 38-2016; Trang 69-73	2016
21	Impact of factors associated with feeding practices on food hypersensitivity in infants and young children under 5 years old based on parent – reported data in Hanoi 2014	03	x	Journal of Vietnamese Traditional Pharmacy and Medicine/ ISSN: 2354- 1334			Tập 1, Tháng 12/2017; Trang 10-14	2017
22	Thực trạng hài lòng của Bệnh nhân với việc tiếp đón và thời gian chờ đợi tại khoa Khám bệnh, Bệnh viện Nhi Trung ương, năm 2017	04	x	Tạp chí Y học cộng đồng/ ISSN 2354 - 0613			Số 41 tháng 11+12/2017; Trang 15-20	2017
23	Stress nghề nghiệp ở điều dưỡng viên trong quá trình chăm sóc bệnh nhi tại Bệnh viện Nhi Trung ương, năm 2017	04	x	Tạp chí Y học cộng đồng/ ISSN 2354 - 0613			Số 41 tháng 11+12/2017; Trang 21-25	2017
24	Tỷ lệ bạo lực nơi làm việc ở điều dưỡng viên do bệnh nhân gây ra tại các khoa lâm sàng, Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2017	04	x	Tạp chí Y học cộng đồng/ ISSN 2354 - 0613			Số 41 tháng 11+12/2017; Trang 31-36	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
25	Đánh giá một số yếu tố ảnh hưởng tới tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhi bệnh thận mạn giai đoạn cuối	03	x	Tạp chí Y học Quân sự/ ISSN 1859 - 1655			Số 330 (7+8/2018); Trang 29-32	2018
26	Ảnh hưởng tăng động giảm chú ý đến rối loạn nhân cách ở trẻ 6 -12 tuổi theo thang đo NICHQ VANDERBILT tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2014	02	x	Tạp chí Y học cộng đồng/ ISSN 2354 - 0613			Số 1 (42); tháng 1+2/2018; Trang 140-144	2018
27	Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành nuôi dưỡng trẻ tiêu chảy cấp	02	x	Tạp chí Y học Thực hành/ ISSN 1859 - 1663			Số 4 (1069) 2018; Trang 143-145	2018
28	Đặc điểm lâm sàng viêm dạ dày, tá tràng do H.Pylori ở bệnh nhi tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2016	02	x	Tạp chí Y học cộng đồng/ ISSN 2354 - 0613			Số 1 (42); tháng 1-2/2018; Trang 144-149	2018
29	Một số đặc điểm dịch tễ học loét dạ dày, tá tràng ở bệnh nhi tại Bệnh viện Nhi Trung ương.	02	x	Tạp chí Y học Cộng đồng/ ISSN 2354 - 0613			Số 1 (42); tháng 1-2/2018; Trang 149-153	2018
30	Đặc điểm lâm sàng và nguyên nhân gây bệnh các trường hợp bệnh nhi tử vong trong vòng 24 giờ nhập viện tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An từ 2009 đến 2014	03	x	Tạp chí Y học cộng đồng/ ISSN 2354 - 0613			Số 1 (42) tháng 1-2/2018; Trang 153-158	2018
31	Tần suất dị ứng thức ăn ở trẻ hen phế quản điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương	03	x	Tạp chí Y học dự phòng/ ISSN 0868-2836			Tập 28, Số 2-2018; Trang 106-112	2018
32	Tình trạng dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi mắc tiêu chảy cấp điều trị tại bệnh viện Nhi Trung ương năm 2017 -2018	05	x	Tạp chí Y học thực hành/ ISSN 1859-1663			Số 10 (1083); Trang 78-80	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
33	Đặc điểm lâm sàng viêm phổi không điển hình do vi khuẩn ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2014	01	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ ISSN 1859 - 2872			Tập 13; số 1/2018; Trang 33-38	2018
34	Một số yếu tố ảnh hưởng đến thực hành đi buồng ở điều dưỡng/ hộ sinh tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội năm 2017	03	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học Thành phố Hồ Chí Minh/ ISSN 1859-1779			Tập 22; số 6; Trang 11-15	2018
35	Một số thuận lợi, khó khăn trong công tác đi buồng thường quy ở điều dưỡng/ hộ sinh tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, năm 2017	03	x	Tạp chí nghiên cứu Y học Thành phố Hồ Chí Minh/ ISSN 1859-1779			Tập 22; Số 6; Trang 115-120	2018
36	Quy trình quản lý vận chuyển cấp cứu nội viện tại khoa Cấp cứu – Chống độc, Bệnh viện Nhi Trung ương, năm 2017.	03	x	Tạp chí nghiên cứu Y học Thành phố Hồ Chí Minh/ ISSN 1859-1779			Tập 22; Số 6; Trang 221-226	2018
37	Nghiên cứu giá trị chẩn đoán nhiễm Helicobacter pylori của test ELISA phân trong bệnh viêm loét dạ dày – Tá tràng mạn tính ở trẻ em.	02	x	Tạp chí Y học cộng đồng/ ISSN 2354 - 0613			Số 5 (46); Trang 58-63	2018
38	Hiệu quả can thiệp cải thiện quy trình trước vận chuyển cấp cứu ở bệnh nhi tại các Bệnh viện trên địa bàn tỉnh Nghệ An	03	x	Tạp chí Y học cộng đồng/ ISSN 2354 - 0613			Số 5 (46); Trang 86-91	2018
39	Đặc điểm nội soi, mô bệnh học viêm dạ dày, tá tràng nghi do H.pylori ở bệnh nhi, tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2016	02	x	Tạp chí y học cộng đồng/ ISSN 2354 - 0613			Số 5 (46); Trang 26-31	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
40	Nghiên cứu tần suất, đặc điểm lâm sàng, cân lâm sàng viêm phổi do Chlamydia pneumoniae ở trẻ em	02	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ISSN 1859 - 2872			Tập 13; Số 2/2018; Trang 80-85	2018
41	Nghiên cứu một số đặc điểm gia đình, môi trường ở trẻ mắc viêm phổi không điển hình do vi khuẩn ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2014	02	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ISSN 1859 - 2872			Tập 13; Số 2/2018; Trang 64-69	2018
42	Nghiên cứu tiền sử bệnh tật trẻ mắc viêm phổi không điển hình do vi khuẩn tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2014	02	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ISSN 1859 - 2872			Tập 13; Số 3/2018; Trang 22-28	2018
43	Một số đặc điểm dịch tễ học eczema ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Hà Nội, Hải Phòng và TP. Hồ Chí Minh năm 2014	02	x	Tạp chí Y học cộng đồng/ISSN 2354 - 0613			Số 3 (44); Trang 137-141	2018
44	Một số yếu tố nguy cơ gây khuyết tật vận động ở trẻ trong khi sinh tại huyện Hoài Đức – Hà Nội	02	x	Tạp chí Y học cộng đồng/ISSN 2354 - 0613			Số 3 (44); Trang 94-98	2018
45	Một số yếu tố nguy cơ trước khi sinh và tình trạng khuyết tật vận động ở trẻ em tại huyện Hoài Đức – Hà Nội.	02	x	Tạp chí Y học cộng đồng/ISSN 2354 - 0613			Số 3 (44); Trang 89-93	2018
46	Xác định một số nguyên nhân gây dị ứng thức ăn ở trẻ em	03	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ISSN 1859 - 2872			Tập 13; Số 4/2018; Trang 42-47	2018
47	Đặc điểm cận lâm sàng viêm phổi không điển hình do vi khuẩn ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2014	02	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ISSN 1859 - 2872			Tập 13; Số 5/2018; Trang 94-100	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
48	Mô tả một số nguyên nhân, hậu quả của Bạo lực nơi làm việc ở Điều dưỡng viên do khách hàng gây ra tại các khoa lâm sàng - Bệnh viện Nhi Trung ương, năm 2017	03	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học Thành phố Hồ Chí Minh/ ISSN 1859-1779			Tập 22; Số 6; Trang 201-207	2018
49	Nghiên cứu một số đặc điểm cận lâm sàng ở trẻ em bị dị ứng thức ăn	03	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ ISSN 1859 - 2872			Tập 13; Số 6/2018; Trang 31-38	2018
50	Tỷ lệ mẫn cảm với thức ăn ở trẻ dưới 5 tuổi qua ghi nhận của cha mẹ trẻ tại trường mầm non Hoa Mai, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	03	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học Thành phố Hồ Chí Minh/ ISSN 1859-1779			Tập 22; số 4; Trang 258-261	2018
51	Mối liên quan giữa eczema với mẫn cảm thức ăn ở trẻ dưới 5 tuổi qua ghi nhận của cha mẹ trẻ tại trường mầm non Hoa Mai, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	03	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học Thành phố Hồ Chí Minh/ ISSN 1859-1779			Tập 22; Số 4; Trang 262-265	2018
52	Thực trạng thời gian chờ và ảnh hưởng đến sự hài lòng của người chăm sóc trẻ tại khoa khám bệnh, Bệnh viện Nhi Trung ương, năm 2017	04	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học Thành phố Hồ Chí Minh/ ISSN 1859-1779			Tập 22; Số 6; Trang 182-187	2018
53	Một số yếu tố ảnh hưởng đến bạo lực nơi làm việc bằng lời nói do khách hàng gây ra đối với điều dưỡng viên tại các khoa lâm sàng Bệnh viện Nhi Trung ương, năm 2017	03	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học Thành phố Hồ Chí Minh/ ISSN 1859-1779			Tập 22; Số 6; Trang 6 208-213	2018
54	Nghiên cứu tiền sử bệnh tật và biểu hiện lâm sàng dị ứng thức ăn của bệnh nhân hen phế quản điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung Ương	03	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ ISSN 1859 - 2872			Tập 13; Số 6/2018; Trang 46-52	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
55	Xác định mối liên quan giữa dị ứng thức ăn và hen phế quản ở trẻ em	03	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ISSN 1859 - 2872			Tập 13; Số 7/2018; Trang 01-06	2018
56	Vai trò của test phục hồi phế quản trong phân loại mức độ nặng của hen phế quản trẻ em	03	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ISSN 1859 - 2872			Tập 13; Số 7/2018; Trang 15-19	2018
57	Đánh giá hiệu quả của hệ thống dao động xung lực trong chẩn đoán hen phế quản ở trẻ em	03	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ISSN 1859 - 2872			Tập 13; Số 8/2018; Trang 8-13	2018
58	Nghiên cứu tần suất và một số yếu tố liên quan đến viêm da cơ địa ở trẻ em từ 24-60 tháng tuổi tại thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	02	x	Tạp chí Y học dự phòng/ISSN 0868-2836			Tập 28; Số 8/2018; Trang 50-55	2018
59	Một số Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng ở bệnh nhân loạn sản phế quản phổi có tăng áp động mạch phổi	03	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ISSN 1859- 1868			Tập 471; Số 1 tháng 10; Trang 172-175	2018
60	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm phổi có nhiễm Adenovirus ở trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2017 -2018	03	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ISSN 1859- 1868			Tập 471; Số 1 tháng 10; Trang 125-129	2018
61	Đặc điểm dịch tễ học tiêu chảy do Norovirus ở trẻ em	02	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ISSN 1859- 1868			Tập 471; Số 2 tháng 10; Trang 41-44	2018
62	Xác định tỷ lệ nhiễm Rotavirus và Norovirus, một số yếu tố liên quan tới tiêu chảy cấp của bệnh nhi điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung Ương	02	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ISSN 1859- 1868			Tập 471; Số 2 tháng 10; Trang 96-99	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
63	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm phổi kéo dài do vi khuẩn tại Bệnh viện Nhi Trung ương	03	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ ISSN 1859- 1868			Tập 472; Số 1 tháng 11; Trang 49-53	2018
64	Kiến thức về tiêu chảy cấp của các bà mẹ có con tiêu chảy cấp điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2017	03	x	Tạp chí Y học dự phòng/ ISSN 0868- 2836			Tập 28; Số 4/2018; Trang 35-41	2018
65	Đuối nước ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung Ương năm 2014-2016	09	x	Tạp chí Y học Thực hành/ ISSN 1859- 1663			Số 11(1085) 2018; Trang 49-51	2018
66	Tình trạng dinh dưỡng của trẻ từ 6-24 tháng tuổi nhập viện tại Bệnh viện Nhi Trung Ương	03	x	Tạp chí Y học dự phòng/ ISSN 0868- 2836			Tập 28; Số 12/2018; Trang 35-41	2018
67	Xác định một số vi khuẩn bằng kỹ thuật Realtime PCR đa môi và đặc điểm dịch tễ học của bệnh nhi mắc tiêu chảy	02	x	Tạp chí Nghiên cứu Y học/ ISSN: 2354-080X			Tập 119; Số 3 – 4/2019; Trang 102-108	2018
68	Một số đặc điểm dịch tễ học đái tháo đường ở người từ trên 50 tuổi tại huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình năm 2017	03	x	Tạp chí Y học cộng đồng/ ISSN 2354- 0613			Số 1(48); Tháng 1-2/ 2019; Trang 6-11	2019
69	Tìm hiểu một số yếu tố nguy cơ đái tháo đường ở người trên 50 tuổi tại huyện Tiền Hải - tỉnh Thái Bình năm 2017	03	x	Tạp chí Y học cộng đồng/ ISSN 2354- 0613			Số 1(48) Tháng 1-2/ 2019; Trang 12-17	2019
70	Mô tả sự hài lòng của người chăm sóc trẻ tại khoa Khám bệnh – Bệnh viện Nhi Trung Ương, năm 2017	02	x	Tạp chí Y học cộng đồng/ ISSN 2354- 0613			Số 1(48) Tháng 1-2/ 2019; Trang 78-83	2019
71	Stress nghề nghiệp trong mối quan hệ với đồng nghiệp ở điều dưỡng viên tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2017	02	x	Tạp chí Y học cộng đồng/ ISSN 2354- 0613			Số 1(48) Tháng 1- 2/2019; Trang 84- 88	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
72	Vi khuẩn gây viêm phổi kéo dài ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung ương	02	x	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng / ISSN 0868-3735			Số 3 (110)/2019; Trang 86-89	2019
73	Một số đặc điểm dịch tễ học viêm phổi không điển hình nhiễm Chlamydia trachomatis ở trẻ dưới 6 tháng tuổi tại Bệnh viện Nhi Trung Ương	03	x	Tạp chí Phòng chống bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng / ISSN 0868-3735			Số 3 (111); Trang 87-93	2019
74	Một số yếu tố liên quan đến viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ em	03	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ ISSN 1859- 1868			Tập 485 Số 1+2 Tháng 12; Trang 206-208	2019
75	Lâm sàng, cận lâm sàng và căn nguyên vi sinh của viêm phúc mạc ruột thừa ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung Ương	03	x	Tạp chí Y học Việt Nam/ ISSN 1859- 1868			Tập 485 Số 1+2 Tháng 12; Trang 228-231	2019
76	Nghiên cứu đặc điểm tiền sử bệnh tật ở trẻ dưới 5 tuổi mắc hen phế quản điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương	02	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ ISSN 1859 - 2872			Tập 14, số 2/2019; Trang 27-32	2019
77	Một số yếu tố liên quan nghề nghiệp gây stress ở điều dưỡng viên Bệnh viện Nhi Trung Ương năm 2017.	02	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ ISSN 1859 - 2872			Tập 14, số 2/2019; Trang 142-148	2019
78	Xác định tỷ lệ viêm phổi nặng và các yếu tố tiên lượng của viêm phổi do adenovirus ở trẻ em.	02	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ ISSN 1859 - 2872			Tập 14, số 2/2019; Trang 43-50	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
79	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm phổi nhiễm Chlamydia trachomatis ở trẻ em dưới 6 tháng tuổi tại Bệnh viện Nhi Trung Ương	03	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ISSN 1859 - 2872			Tập 14, số 5/2019; Trang 37-43	2019
80	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến viêm phổi do rhinovirus ở trẻ em	02	x	Tạp chí Y dược lâm sàng 108/ISSN 1859 - 2872			Tập 15; Số 2/2020; Trang 13-19	2019

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS:09; trong đó 06 bài là tác giả đầu.

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: Không.

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: Không.

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: Không.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS:

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không.

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không.

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không.

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng
ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
Không.

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
Không.

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác
giả chính theo quy định: Không

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác
giả chính theo quy định: Không.

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

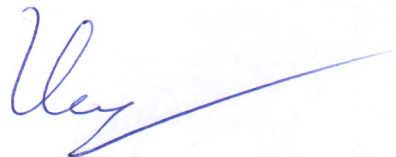
Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Phạm Thu Hiền